

Số: 2024/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 25 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế lĩnh vực giáo dục, đào tạo với nước ngoài; lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục và lĩnh vực văn bằng, chứng chỉ trên địa bàn thành phố Hải Phòng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013, số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông

vực giáo dục nghề nghiệp, lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục và lĩnh vực văn bằng, chứng chỉ trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức thực hiện việc công khai danh mục và nội dung các thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục, đào tạo với nước ngoài, lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục và lĩnh vực văn bằng, chứng chỉ được quy định tại Quyết định này; xây dựng và ban hành quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính và chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ cập nhật trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2025.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- VPCP, Bộ GD&ĐT;
- Cục KSTTHC - VPCP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các PCVP UBND TP;
- Trung tâm BC&TT TP, CĐ ANHP;
- Công TTĐTTP;
- Phòng KSTTHC;
- Lưu: VT, KSTTHC4.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Minh Cường

Phụ lục I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
(Kèm theo Quyết định số 2024/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	2.000545	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ	Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ; <i>Nghị định số 143/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ</i>	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo
2	1.008720	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ; <i>Nghị định số 143/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ</i>	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo
3	1.008721	Chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ; <i>Nghị định số 143/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ</i>	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo
4	2.000729	Phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài	Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ; <i>Nghị định số 143/2025/NĐ-CP ngày</i>	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo

			12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 11/2022/TT- BGDDT ngày 26/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo		
5	2.000451	Thành lập văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	Nghị định số 86/2018/NĐ- CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ; <i>Nghị định số 143/2025/NĐ- CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.</i>	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo
6	2.000680	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn Quyết định thành lập Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	Nghị định số 86/2018/NĐ- CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ; <i>Nghị định số 143/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.</i>	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo
7	1.001501	Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài thành lập văn phòng đại diện	Nghị định số 86/2018/NĐ- CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ; <i>Nghị định số 143/2025/NĐ-CP ngày</i>	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo

			12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.		
8	1.008723	Chuyển đổi trường trung học, trường trung học tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020; <i>Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025</i>	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
9	1.008722	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020; <i>Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025</i>	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
10	2.000130	Thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam	Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ; <i>Nghị định số 143/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.</i>	Giáo dục nghề nghiệp	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo
11	1.000159	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn và cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam	Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ; <i>Nghị định số 143/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.</i>	Giáo dục nghề nghiệp	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo
		Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với	Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016; <i>Nghị định số 143/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025</i>		Sở Giáo dục và

		doanh nghiệp	06/4/2022; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025		
13	1.000389	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016; Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018; Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025	Giáo dục nghề nghiệp	Sở Giáo dục và Đào tạo
14	1.000154	Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016; Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018; Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025	Giáo dục nghề nghiệp	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo
15	1.000138	Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		Giáo dục nghề nghiệp	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo
16	1.000553	Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài		Giáo dục nghề nghiệp	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo
17	1.000530	Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		Giáo dục nghề nghiệp	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo
18	1.000167	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt		Giáo dục nghề nghiệp	Sở Giáo dục

		động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp		ng nghiệp	và Đào tạo
19	1.010928	Chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp		Giáo dục nghề nghiệp	Sở Giáo dục và Đào tạo.
20	1.012944	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025	Giáo dục trung học	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
21	1.012953	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục		Giáo dục trung học	Sở Giáo dục và Đào tạo
22	1.012954	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục trở lại		Giáo dục trung học	Sở Giáo dục và Đào tạo
23	1.012955	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông		Giáo dục trung học	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
24	1.012956	Giải thể trường trung học phổ		Giáo dục trung	Ủy ban nhân

		thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông		học	dân cấp tỉnh
25	3.000315	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025	Giáo dục thường xuyên	Sở Giáo dục và Đào tạo.
26	3.000316	Cho phép trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên hoạt động trở lại		Giáo dục thường xuyên	Sở Giáo dục và Đào tạo
27	3.000317	Sáp nhập, chia, tách trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên		Giáo dục thường xuyên	Sở Giáo dục và Đào tạo
28	1.012988	Giải thể trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)		Giáo dục thường xuyên	Sở Giáo dục và Đào tạo
29	1.012958	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên		Các cơ sở giáo dục khác	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo
30	1.005008	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục		Các cơ sở giáo dục khác	Sở Giáo dục và Đào tạo
31	1.004988	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại		Các cơ sở giáo dục khác	Sở Giáo dục và Đào tạo
32	1.004999	Sáp nhập, chia tách trường trung	Nghị định số	Các cơ sở giáo	Ủy ban nhân

		học phổ thông chuyên	125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025	dục khác	dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo
33	1.004991	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên		Các cơ sở giáo dục khác	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
34	1.012959	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025	Các cơ sở giáo dục khác	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo.
35	3.000297	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục		Các cơ sở giáo dục khác	Sở Giáo dục và Đào tạo.
36	3.000298	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục trở lại		Các cơ sở giáo dục khác	Sở Giáo dục và Đào tạo.
37	3.000299	Sáp nhập, chia, tách trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao		Các cơ sở giáo dục khác	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo.
38	3.000300	Giải thể trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025	Các cơ sở giáo dục khác	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo.
39	3.000301	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường dành cho người khuyết tật		Các cơ sở giáo dục khác	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo.

					Đào tạo.
40	3.000302	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025	Các cơ sở giáo dục khác	Sở Giáo dục và Đào tạo.
41	3.000303	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục trở lại		Các cơ sở giáo dục khác	Sở Giáo dục và Đào tạo.
42	3.000304	Sáp nhập, chia, tách trường dành cho người khuyết tật		Các cơ sở giáo dục khác	Sở Giáo dục và Đào tạo.
43	3.000305	Giải thể trường dành cho người khuyết tật (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)		Các cơ sở giáo dục khác	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
		Thành lập hoặc cho phép thành lập			

		học			
46	1.000715	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10/12/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; <i>Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT</i>	Kiểm định chất lượng giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo
47	1.000288	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia		Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Sở Giáo dục và Đào tạo
48	1.000713	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục		Kiểm định chất lượng giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo
49	1.000280	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia		Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Sở Giáo dục và Đào tạo
50	1.000711	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục		Kiểm định chất lượng giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo
51	1.000691	Công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia		Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Sở Giáo dục và Đào tạo

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.012961	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024; <i>Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025</i>	Giáo dục mầm non	UBND cấp xã
2	1.006390	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục		Giáo dục mầm non	UBND cấp xã
3	1.006444	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại		Giáo dục mầm non	UBND cấp xã
4	1.006445	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ		Giáo dục mầm non	UBND cấp xã
5	1.012962	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)		Giáo dục mầm non	UBND cấp xã
6	1.012971	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập		Giáo dục mầm non	UBND cấp xã
7	1.012972	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại		Giáo dục mầm non	UBND cấp xã
8	1.012973	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập		Giáo dục mầm non	UBND cấp xã
9	1.012974	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)		Giáo dục mầm non	UBND cấp xã
10	1.012963	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học		Giáo dục tiểu học	UBND cấp xã
11	2.001842	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024; <i>Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025</i>	Giáo dục tiểu học	UBND cấp xã
12	1.004552	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại		Giáo dục tiểu học	UBND cấp xã
12	1.004563	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học		Giáo dục tiểu học	UBND cấp xã

13	1.001639	Giải thể trường tiểu học (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)
14	1.012964	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở
15	1.012965	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục
16	1.012966	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại
17	1.012967	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở
18	1.012968	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)
19	1.012969	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng
20	1.012970	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại
21	3.000307	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng
22	3.000308	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)
23	3.000309	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở
24	1.012975	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương

Nghị định số
125/2024/NĐ-CP
ngày 05/10/2024;
*Nghị định số
142/2025/NĐ-CP
ngày 12/6/2025*

Giáo dục tiểu học	UBND cấp xã
Giáo dục trung học	UBND cấp xã
Giáo dục trung học	UBND cấp xã
Giáo dục trung học	UBND cấp xã
Giáo dục trung học	UBND cấp xã
Giáo dục trung học	UBND cấp xã
Giáo dục thường xuyên	UBND cấp xã
Giáo dục thường xuyên	UBND cấp xã
Giáo dục thường xuyên	UBND cấp xã
Giáo dục thường xuyên	UBND cấp xã
Các cơ sở giáo dục khác	UBND cấp xã
Các cơ sở giáo dục	UBND

		trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học
25	1.008724	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận
26	1.008725	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận

khác	cấp xã
Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	UBND cấp xã
Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	UBND cấp xã

Phụ lục II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
(Kèm theo Quyết định số 2024/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

	Số hồ sơ	Tên thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành	Tên VBQPPL quy		
--	----------	------------------------	------------------	----------------	--	--

		- giáo dục thường xuyên	<i>giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực</i>	<i>Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025</i>		
5	1.013755	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập	<i>Cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực</i>	<i>Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025</i>	Giáo dục thường xuyên	Sở Giáo dục và Đào tạo
6	1.013756	Cho phép trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động trở lại	<i>Cho phép trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực hoạt động trở lại</i>	<i>Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025</i>	Giáo dục thường xuyên	Sở Giáo dục và Đào tạo
7	1.013757	Sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập	<i>Sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực</i>	<i>Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025</i>	Giáo dục thường xuyên	Sở Giáo dục và Đào tạo
8	1.013758	Giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập)	<i>Giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập)</i>	<i>Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025</i>	Giáo dục thường xuyên	Sở Giáo dục và Đào tạo
9	1.013751	Thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung	<i>Cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật,</i>	<i>Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016; Nghị định số 140/2018/NĐ-CP</i>	Giáo dục nghề nghiệp	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo.

		tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	<i>phân hiệu của trường trung cấp tư thực</i>	ngày 08/10/2018; Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022; <i>Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025</i>		
10	2.000099	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	<i>Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i>	Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016; Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018; Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022; <i>Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025</i>	Giáo dục nghề nghiệp	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo.
11	1.013761	Giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	<i>Cho phép giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i>	Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016; Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018; Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022; <i>Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025</i>	Giáo dục nghề nghiệp	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo.
12	1.013762	Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung	<i>Cho phép chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn</i>	Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016; Nghị định số	Giáo dục nghề nghiệp	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và

		ương và phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	<i>tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i>	140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018; Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022; <i>Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025</i>		Đào tạo.
13	1.013763	Đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	<i>Cho phép đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i>	Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016; Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018; Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022; <i>Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025</i>	Giáo dục nghề nghiệp	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo.
14	1.013765	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận	<i>Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;</i>	Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016; Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018; Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022; <i>Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025</i>	Giáo dục nghề nghiệp	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo.

			<i>Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận</i>	Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016; Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018; Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022; <i>Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025</i>	Giáo dục nghề nghiệp	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo.
		Giải thể cơ sở giáo dục	<i>Giải thể phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu</i>	Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày	Giáo dục đào tạo với	Bộ Giáo dục và Đào

				BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT		chứng chỉ tại cấp tỉnh
17	2.001914	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp tỉnh)	Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT	Văn bằng, chứng chỉ	Thủ trưởng cơ quan đã cấp văn bằng, chứng chỉ/Cơ quan, cơ sở giáo dục đang quản lý sổ gốc cấp văn bằng, chứng chỉ tại cấp tỉnh

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

Stt	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.005092	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã)	Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT	Văn bằng, chứng chỉ	Cơ quan, cơ sở giáo dục đang quản lý sổ gốc cấp văn bằng, chứng chỉ tại cấp xã
2	2.001914	Chỉnh sửa nội dung văn	Chỉnh sửa nội dung văn	Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng	Văn bằng, chứng chỉ	Thủ trưởng cơ quan đã cấp văn bằng,

		bằng, chứng chỉ	bằng, chứng chỉ (tại cấp xã)	Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT		chứng chỉ/Cơ quan, cơ sở giáo dục đang quản lý sổ gốc cấp văn bằng, chứng chỉ tại cấp tỉnh
--	--	--------------------	---------------------------------	--	--	--

